

Số: 204 /KH-UBND

Hà Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Hà Giang năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy định số 08-QĐ/TU ngày 14/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Công văn 2893-CV/BTCTU ngày 27/6/2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy trích Kết luận số 572-KL/TU ngày 23/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TUYỂN DỤNG

1. Mục đích

Việc tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023 nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm cho những cơ quan, đơn vị còn thiếu người làm việc so với biên chế công chức được giao và có nhu cầu đăng ký tuyển dụng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Yêu cầu

2.1. Việc tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023 phải căn cứ vào chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc được giao, nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan, đơn vị và phải đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế theo lộ trình tinh giản biên chế và quy định của pháp luật.

2.2. Quy trình, thủ tục tuyển dụng phải đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, người được tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; có phẩm chất đạo đức tốt; am hiểu chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực đăng ký tuyển dụng, có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Nguyên tắc tuyển dụng công chức

- 3.1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật;
- 3.2. Bảo đảm tính cạnh tranh;
- 3.3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm;
- 3.4. Ưu tiên tuyển chọn người có tài năng, người có công với nước, người dân tộc thiểu số theo quy định.

3.5. Đối với vị trí việc làm có yêu cầu trình độ đại học trở lên. Nếu người dự tuyển có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ... thì người dự tuyển phải thực hiện tuyển dụng ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Sau khi trúng tuyển sẽ được xếp lương ở trình độ đào tạo.

3.6. Các vị trí việc làm chỉ yêu cầu tuyển một trong các trình độ như thạc sĩ, đại học: Nếu người dự tuyển có trình độ cao hơn mà tự nguyện đăng ký tuyển vào vị trí việc làm đó thì người dự tuyển phải thực hiện tuyển dụng ở trình độ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Khi trúng tuyển chỉ xếp lương ở trình độ tương ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển (*không xếp lương theo trình độ đào tạo cao hơn*).

II. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

1. Thực trạng về biên chế công chức (tính đến 15/02/2023)

- Số lượng biên chế công chức được giao là 2.107 biên chế.
- Số lượng biên chế công chức hiện có là 1.933 biên chế.
- Số lượng biên chế công chức chưa sử dụng là 174 biên chế.

2. Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng: Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng là 71 chỉ tiêu. Cụ thể:

- Chỉ tiêu thi tuyển công chức: 56 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu xét tuyển công chức: 02 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu tiếp nhận vào làm công chức: 13 chỉ tiêu

(*chi tiết số lượng vị trí việc làm, chỉ tiêu thực hiện tuyển dụng tại Phụ lục kèm theo*).

III. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Đối tượng

1.1. Đối với xét tuyển công chức: Sinh viên cử tuyển của tỉnh theo quy định của Luật Giáo dục và Nghị định số 141/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2. Đối với thi tuyển công chức: Những người đủ điều kiện đăng ký tuyển dụng theo quy định.

1.3. Đối với tiếp nhận vào làm công chức: Những người thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 18, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Điều kiện đăng ký tuyển dụng

2.1. Điều kiện chung:

Những người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức (theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Cán bộ, công chức), như sau:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển. Cụ thể:
 - Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

- Về trình độ tin học, ngoại ngữ: Đối với vị trí Chuyên viên và tương đương phải có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Đối với trường hợp tiếp nhận vào làm công chức, ngoài các điều kiện đăng ký tuyển dụng nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện tiếp nhận quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

2.3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức (*áp dụng chung cho tất cả các đối tượng*):

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

d) Ngoài ra, đối với việc tiếp nhận vào làm công chức, những người sau đây không được đăng ký tuyển dụng: Đang trong thời hạn xử lý kỷ luật liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức

3.1. Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

3.2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký

ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động: Được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

3.3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả vòng 2;

Trường hợp người dự tuyển công chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

IV. HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG

1. Xét tuyển công chức (áp dụng cho đối tượng tại tiểu mục 1.1, mục 1 phần III Kế hoạch này)

1.1. Nội dung xét tuyển được thực hiện theo 02 vòng như sau:

a) Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2;

b) Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Thời gian phỏng vấn 30 phút (thí sinh dự tuyển có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn).

1.2. Cách tính điểm:

a) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100;

b) Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm phỏng vấn và điểm ưu tiên tại mục 3 phần III Kế hoạch này (nếu có);

c) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

1.3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức:

Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm phỏng vấn tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng điểm ưu tiên (nếu có, theo nội dung mục 3 phần III kế hoạch này) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm;

c) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch UBND tỉnh quyết định người trúng tuyển.

Người không trúng tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

2. Thi tuyển công chức (áp dụng cho đối tượng tại tiểu mục 1.2, mục 1 phần III Kế hoạch này)

2.1. Nội dung thi tuyển được thực hiện theo 02 vòng như sau:

a) Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung.

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung thi gồm 2 phần với thời gian thi như sau:

+ Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút;

+ Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi về tiếng Anh; thời gian thi 30 phút.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

- Hình thức thi: Kết hợp phỏng vấn và viết.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian thi:

+ Thi phỏng vấn 30 phút (*trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị*);

+ Thi viết 180 phút (*không kể thời gian chép đề*).

- Thang điểm: 100 điểm (*tỷ lệ điểm phỏng vấn và viết do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định nhưng phải bảo đảm có tổng là 100 điểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định 138/2020/NĐ-CP*).

2.2. Miễn thi ngoại ngữ:

Miễn thi ngoại ngữ (*vòng 1*) đối với các trường hợp sau:

a) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

b) Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

c) Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

2.3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức:

Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên (*chỉ xét trong trường hợp thí sinh đã dự thi đủ cả phần thi phỏng vấn và phần thi viết*).

b) Có điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (*nếu có, theo nội dung mục 3 phần III Kế hoạch này*) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (*nếu có*) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định người trúng tuyển.

Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

3. Tiếp nhận vào làm công chức (áp dụng cho đối tượng tại tiểu mục 1.3, mục 1 phần III Kế hoạch này)

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

V. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, HỒ SƠ TUYỂN DỤNG

1. Đối với xét tuyển và thi tuyển công chức

1.1. Phiếu đăng ký dự tuyển:

Người đăng ký thi tuyển công chức hoặc đăng ký xét tuyển thuộc đối tượng sinh viên cử tuyển: Nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2. Hồ sơ được hoàn thiện sau khi có kết quả trúng tuyển:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.

b) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

c) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Sở Nội vụ thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

2. Đối với tiếp nhận vào làm công chức

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

3. Địa điểm nộp Phiếu đăng ký, phí dự tuyển và Hồ sơ tuyển dụng

3.1. Địa điểm nộp Phiếu đăng ký và phí dự tuyển, Hồ sơ tuyển dụng:

a) Người dự tuyển đăng ký dự tuyển vào cơ quan, đơn vị nào thì nộp Phiếu đăng ký dự tuyển, phí tuyển dụng và Hồ sơ tuyển dụng tại cơ quan, đơn vị đó.

- Người đăng ký tuyển dụng công chức chỉ được đăng ký dự tuyển công chức vào 01 vị trí việc làm tại 01 sở và cơ quan ngang Sở, UBND các huyện, thành phố có chỉ tiêu công chức cần tuyển dụng.

b) Các Sở, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố có nhu cầu tuyển dụng (hình thức xét tuyển, thi tuyển):

- Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu đăng ký tuyển dụng có trách nhiệm rà soát, kiểm tra Phiếu đăng ký của người dự tuyển bảo đảm đúng, đủ thông tin và nội dung theo mẫu quy định trước khi gửi Sở Nội vụ.

- Hết thời hạn tiếp nhận Phiếu đăng ký và phí dự tuyển, các cơ quan, đơn vị tổng hợp Phiếu đăng ký của người dự tuyển, danh sách những người có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển nộp về Sở Nội vụ.

- Hết thời hạn hoàn thiện Hồ sơ sau khi trúng tuyển, các cơ quan, đơn vị tổng hợp Hồ sơ của người dự tuyển, nộp về Sở Nội vụ.

3.2. Phí tuyển dụng (áp dụng đối với xét tuyển, thi tuyển công chức):

Người dự tuyển có đủ điều kiện dự tuyển, nộp phí dự tuyển theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức: Dự kiến mức thu 500.000 đồng/thí sinh (nộp cùng Phiếu đăng ký thi tuyển công chức).

3.3. Không trả lại Phiếu đăng ký dự tuyển và phí dự tuyển nếu người dự tuyển không trúng tuyển.

VI. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG (đối với thi tuyển và xét tuyển)

1. Hội đồng tuyển dụng (gọi tắt là Hội đồng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập có 07 thành viên, thành phần gồm:

1.1. Chủ tịch Hội đồng là một Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;

1.2. Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ;

1.3. Một lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;

1.4. Chánh Thanh tra tỉnh;

1.5. Một lãnh đạo Công an tỉnh;

1.6. Một Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

1.7. Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng Phòng Tổ chức bộ máy biên chế và công chức viên chức thuộc Sở Nội vụ.

2. Hội đồng tuyển dụng được thành lập các ban, bộ phận giúp việc cho Hội đồng theo quy định của pháp luật.

Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng;

3. Nhiệm vụ của Hội đồng: Thực hiện việc tuyển dụng công chức (cấp tỉnh, cấp huyện) tỉnh Hà Giang năm 2023 theo Kế hoạch này và quy định của pháp luật.

VII. GIÁM SÁT KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC (đối với thi tuyển và xét tuyển)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ban Giám sát kỳ tuyển dụng công chức (cấp tỉnh, cấp huyện) tỉnh Hà Giang năm 2023 theo quy định tại Điều 36 Chương III Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

Ban Giám sát gồm 05 thành viên, trong đó: 01 Phó Chánh Thanh tra tỉnh là Trưởng Ban; mời 01 lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Giang tham gia làm thành viên; mời 01 Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy tham gia làm thành viên; 01 chuyên viên Phòng Nội chính - Pháp chế thuộc Văn phòng UBND tỉnh là thành viên; thành viên kiêm thư ký là Chánh Thanh tra Sở Nội vụ.

2. Ban Giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức tuyển dụng công chức (cấp tỉnh, cấp huyện) tỉnh Hà Giang năm 2023 theo Điều 36, Chương III Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ và quy định khác có liên quan.

VIII. ỦY QUYỀN TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC

1. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho người đứng đầu: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, UBND huyện Bắc Quang trên cơ sở chỉ tiêu và danh sách đăng ký kiểm tra, sát hạch vào làm công chức được phê duyệt tại Kế hoạch này, tổ chức kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức, cụ thể:

- Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức và thành lập Ban Giám sát, trong đó:

+ Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch gồm 5-7 thành viên (*theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 18, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP*). Trong đó, Chủ tịch Hội đồng là Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo bộ phận tham mưu về công tác cán bộ; Ủy viên, kiêm thư ký Hội đồng là công chức bộ phận tham mưu về công tác cán bộ; các thành viên khác là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 18, Nghị định 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Hội đồng chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra, báo cáo, trình Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phê duyệt danh sách các trường hợp đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển và phải chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả rà soát, kiểm tra của mình theo quy định.

+ Nội dung sát hạch: Căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm cần tiếp nhận để xây dựng nội dung sát hạch. Hội đồng kiểm tra, sát hạch chịu trách nhiệm đối với việc xây dựng nội dung sát hạch, đề xuất cách thức xác định kết quả sát hạch, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tiếp nhận, báo cáo Người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch. Toàn bộ công tác xây dựng nội dung sát hạch phải đảm bảo chất lượng và tính bảo mật theo quy định của pháp luật.

+ Nội dung khác liên quan đến Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Thực hiện theo điểm d, đ, khoản 4, Điều 18, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Quy chế Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 6/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

+ Hình thức sát hạch: Phỏng vấn

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định, trình) xem xét, quyết định công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch.

2. Thời gian thực hiện ủy quyền: Trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm ban hành Kế hoạch này.

3. Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp đủ điều kiện theo quy định.

IX. KINH PHÍ TỔ CHỨC KỶ TUYỂN DỤNG

Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính. Trường hợp kinh phí thu từ người đăng ký thi tuyển không đủ để chi cho kỳ tuyển dụng công chức, sẽ bố trí ngân sách tỉnh để đảm bảo thực hiện theo quy định.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian triển khai Kế hoạch tuyển dụng: Từ tháng 7/2023 đến khi kết thúc kỳ tuyển dụng công chức theo quy định.

2. Sở Nội vụ

Là cơ quan Thường trực, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan để tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch này theo quy định và có trách nhiệm:

- Là đầu mối tham mưu thực hiện quy trình, thủ tục tổ chức kỳ tuyển dụng (hình thức xét tuyển, thi tuyển) đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, khách quan và tham mưu chuẩn bị các điều kiện tổ chức kỳ tuyển dụng theo đúng quy định.

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát kỳ tuyển dụng; tham mưu trình Chủ tịch Hội đồng thành lập các Ban, bộ phận giúp việc Hội đồng theo quy định.

- Tổ chức tiếp nhận kiểm tra, tổng hợp Phiếu, Hồ sơ đăng ký dự tuyển và danh sách những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển từ các cơ quan, đơn vị nộp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổng hợp, thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức theo quy định.

- Thông báo cho Công an tỉnh, Sở Y tế, Công ty Điện lực Hà Giang và đơn vị liên quan về thời gian, địa điểm cụ thể triển khai công tác chuẩn bị và tổ chức

kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Hà Giang năm 2023 để có phương án bảo vệ, bảo đảm phục vụ theo Kế hoạch này.

- Ban hành quyết định tuyển dụng, xếp lương đối với công chức trúng tuyển và phân công công tác về các cơ quan, đơn vị đăng ký tuyển dụng sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hình thức xét tuyển, thi tuyển).

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức ký ban hành các văn bản liên quan đến việc tổ chức kỳ tuyển dụng công chức (hình thức xét tuyển, thi tuyển) đảm bảo kịp thời, chặt chẽ, đúng quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Trung tâm Thông tin - Công báo và các đơn vị liên quan thuộc Văn phòng UBND tỉnh chủ động thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ và phối hợp với Sở Nội vụ triển khai các nội dung phục vụ kỳ tuyển dụng công chức (hình thức xét tuyển, thi tuyển) theo Kế hoạch này và quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị liên quan

4.1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm chủ động phối hợp với Sở Nội vụ triển khai, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nội dung Kế hoạch này.

4.2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị (được phê duyệt chỉ tiêu tiếp nhận vào làm công chức) thực hiện các nội dung được ủy quyền về tiếp nhận vào làm công chức tại mục VIII Kế hoạch này và theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về kết quả thực hiện.

4.3. Các Sở, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố có nhu cầu tuyển dụng có trách nhiệm:

a) Đăng tải các thủ tục hành chính (*thi tuyển công chức; xét tuyển công chức; tiếp nhận vào làm công chức*) lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị mình và cử công chức thuộc cơ quan, đơn vị mình trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (*đối với các Sở, ngành*); tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC thuộc Văn phòng HĐND và UBND các huyện, thành phố (*đối với các huyện, thành phố*), để tiếp nhận Phiếu, hồ sơ, phí dự tuyển của người đăng ký dự tuyển.

b) Công khai số điện thoại của công chức trực tiếp tiếp nhận thủ tục hành chính về tuyển dụng công chức để tư vấn, hỗ trợ người đăng ký dự tuyển.

c) Thực hiện tốt việc tiếp nhận Phiếu đăng ký, phí dự tuyển và hồ sơ tuyển dụng của người đăng ký dự tuyển; lập danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển công chức, chịu trách nhiệm trước pháp luật về danh sách đủ điều kiện dự tuyển theo quy định và gửi Sở Nội vụ đảm bảo thành phần hồ sơ, thời gian theo Kế hoạch này.

4.3. Sở Tài chính: Ngoài nội dung nêu trên, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định dự toán kinh phí tổ chức kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Hà Giang năm 2023 trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

4.4. Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo công tác an ninh, trật tự để kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Hà Giang năm 2023 diễn ra an toàn tuyệt đối, đúng quy định.

4.5. Sở Y tế có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cử viên chức y tế, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là chủ động chuẩn bị phương án, biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để phục vụ kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Hà Giang năm 2023 theo quy định.

4.6. Công ty Điện lực Hà Giang có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ chủ động chuẩn bị phương án đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục theo thời gian và tại các địa điểm liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Hà Giang năm 2023 theo Kế hoạch này và thông báo của Sở Nội vụ.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Hà Giang năm 2023. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phối hợp với Sở Nội vụ để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy ;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP; CV NCTH; Trung tâm TT-CB, Trung tâm Phục vụ HCC;
- Các Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công an tỉnh;
- Công ty Điện lực Hà Giang;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn



PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: **204** /KH-UBND ngày **10** tháng **7** năm 2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	Tổng số	71				2	56	13	
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	8					8		
1.1	Quản lý Quy hoạch - Kế hoạch	1	Đại học	Ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nông nghiệp	01.003		1		
1.2	Tổ chức nhân sự, tổng hợp	1	Đại học	Ngành: Quản lý nhà nước; quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; quản lý công	01.003		1		
1.3	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật cấp thoát nước; kỹ thuật tài nguyên nước	01.003		1		

5

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.4	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	1	Đại học	Ngành: Chăn nuôi; Thú Y	01.003		1		
1.5	Kiểm lâm	3	Đại học	Ngành: Lâm học; Lâm sinh.	10.226		3		
		1		Ngành: Quản lý tài nguyên rừng			1		
2	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1					1		
2.1	Công nghệ thông tin	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; An toàn thông tin	01.003		1		
3	Sở Thông tin và Truyền thông	2					2		
3.1	Quản lý công nghệ thông tin	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính	01.003		1		

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3.2	Quản lý báo chí	1	Đại học	Ngành: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; truyền thông đại chúng; công nghệ truyền thông.	01.003		1		
4	Sở Tư pháp	3					3		
4.1	Kiểm tra, thẩm định văn bản	2	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế	01.003		2		
4.2	Phổ biến giáo dục pháp luật	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế	01.003		1		
5	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	2					2		

9

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5.1	Theo dõi công tác văn hóa - xã hội	1	Đại học	Ngành: Luật; Công tác xã hội; Quản lý văn hoá	01.003		1		
5.2	Hành chính, tổng hợp, văn phòng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng	01.003		1		
6	Sở Y tế	6					3	3	
6.1	Quản lý tổ chức - biên chế	1	Đại học trở lên	Ngành: Y khoa	01.003			1	
6.2	Công nghệ thông tin	1	Đại học trở lên	Ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; An toàn thông tin	01.003		1		
6.3	Hành chính tổng hợp	1	Đại học trở lên	Ngành: Lịch sử Đảng	01.003			1	

9

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6.4	Quản lý nghiệp vụ dược	1	Đại học trở lên	Ngành: Dược học; Hóa dược	01.003		1		
6.5	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	1	Đại học trở lên	Ngành: Y khoa	01.003			1	
6.6	Thông tin truyền thông về kế hoạch hóa gia đình	1	Đại học trở lên	Ngành: Công tác xã hội; Y khoa	01.003		1		
7	Sở Công Thương	3					3		
7.1	Quản trị công sở, công nghệ thông tin	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính.	01.003		1		
7.2	Quản lý thương mại, dịch vụ, quản lý thương mại điện tử	1	Đại học	Ngành: Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Dịch vụ.	01.003		1		
7.3	Quản lý Năng lượng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật điện	01.003		1		

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Thanh tra	1					1		
8.1	Thanh tra kinh tế xã hội	1	Đại học	Ngành: Kế toán, Kiểm toán	01.003		1		
9	Sở Xây dựng	1					1		
9.1	Quản lý quy hoạch, kiến trúc - Quản lý nhà và thị trường bất động sản	1	Đại học	Ngành: Kiến trúc; Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc đô thị	01.003		1		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	1					1		
10.1	Hành chính - văn phòng	1	Đại học	Ngành: Quản trị văn phòng; Quản trị nhân lực; Quản lý công, Quản lý nhà nước.	01.003		1		
11	Sở Tài chính	2					2		

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11.1	Quản lý dự án đầu tư	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	01.003		1		
11.2	Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp	1	Đại học	Ngành: Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	01.003		1		
12	Sở Ngoại vụ	2					2		
12.1	Theo dõi công tác biên giới	1	Đại học	Ngành: Quan hệ quốc tế; Ngôn ngữ Trung Quốc; Luật quốc tế	01.003		1		
12.2	Công tác người Việt Nam ở nước ngoài	1	Đại học	Ngành: Quan hệ quốc tế; Ngôn ngữ Anh; Luật quốc tế	01.003		1		
13	Sở Giao thông vận tải	1					1		
13.1	Pháp chế	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật kinh tế; Quản lý công	01.003		1		

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	Sở Nội vụ	3					3		
14.1	Quản lý nhân sự và đội ngũ	1	Đại học	Ngành: Quản trị nhân lực; Luật	01.003		1		
14.2	Quản lý chính sách, đào tạo	1	Đại học	Ngành: Quản lý công; Quản lý nhà nước; Quản trị nhân lực; Kế toán	01.003		1		
14.3	Cải cách hành chính	1	Đại học	Ngành: Luật; Quản lý nhà nước; Quản lý công	01.003		1		
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	9						9	
15.1	Quản lý tài chính - kế toán	1	Đại học trở lên	Ngành: Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	01.003			1	
15.2	Kế toán	1	Đại học trở lên	Ngành: Kế toán	06.031			1	
15.3	Quản lý kế hoạch - thống kê	1	Đại học trở lên	Ngành: Sư phạm	01.003			1	

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15.4	Tổ chức nhân sự, tổng hợp	1	Đại học trở lên	Ngành: Sư phạm	01.003			1	
15.5	Quản lý khảo thí và kiểm định chất lượng	1	Đại học trở lên	Ngành: Sư phạm	01.003			1	
15.6	Quản lý giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp	1	Đại học trở lên	Ngành: Sư phạm	01.003			1	
15.7	Quản lý THPT	3	Đại học trở lên	Ngành: Sư phạm	01.003			3	
16	UBND huyện Yên Minh	4				2	2		
16.1	Trợ giúp pháp lý, hoà giải cơ sở, thi hành pháp luật	1	Đại học	Ngành: Luật	01.003	1			
16.2	Quản lý xây dựng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng; Kinh tế xây dựng	01.003		1		

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16.3	Theo dõi chính sách dân tộc	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Xây dựng Cầu - Đường bộ	01.003	1			
16.4	Quản lý Tài chính - Ngân sách	1	Đại học	Ngành: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng	01.003		1		
17	UBND huyện Bắc Mê	7					7		
17.1	Văn thư	1	Đại học trở lên	Ngành: Lưu trữ học; Quản lý nhà nước	01.003		1		
17.2	Kế toán	1	Đại học trở lên	Ngành: Kế toán; Kiểm toán	06.031		1		
17.3	Quản trị công sở, hành chính một cửa và công nghệ thông tin	1	Đại học trở lên	Ngành: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Kỹ thuật máy tính	01.003		1		
17.4	Quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và Môi trường	2	Đại học trở lên	Ngành: Quản lý đất đai; Khoa học môi trường; quản lý tài nguyên và môi trường	01.003		2		

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17.5	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại	1	Đại học trở lên	Ngành: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Kinh doanh thương mại; Kỹ thuật điện; Quản lý Công nghiệp; Kinh tế công nghiệp	01.003		1		
17.7	Theo dõi thi hành pháp luật và trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở	1	Đại học trở lên	Ngành: Luật; Luật dân sự và tố tụng dân sự	01.003		1		
18	UBND huyện Vị Xuyên	8					8		
18.1	Quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và môi trường	1	Đại học	Ngành: Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường	01.003		1		
18.2	Hành chính tư pháp và kiểm soát văn bản, thủ tục hành chính	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật kinh tế	01.003		1		

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18.3	Quản lý về trồng trọt, bảo vệ thực vật, và chăn nuôi thú y	1	Đại học	Ngành: Khoa học cây trồng; Lâm học, Lâm sinh	01.003		1		
		1	Đại học	Ngành: Chăn nuôi; Thú Y	01.003		1		
18.4	Quản lý giao thông vận tải và xây dựng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	01.003		1		
18.5	Tổng hợp và xử lý đơn thư	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tổ tụng dân sự; Luật hình sự và tổ tụng hình sự.	01.003		1		
18.6	Kế toán	2	Đại học	Ngành: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng	06.031		2		
19	UBND huyện Bắc Quang	2					1	1	

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19.1	Cải cách hành chính, Thi đua khen thưởng và Văn thư - lưu trữ	1	Đại học	Ngành: Quản lý công; Khoa học quản lý; Lưu trữ học	01.003			1	
19.2	Quản lý văn hoá, du lịch, gia đình và thông tin cơ sở	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật máy tính; Văn hoá học; Báo chí	01.003		1		
20	UBND huyện Hoàng Su Phì	3					3		
20.1	Theo dõi công tác dân tộc	1	Đại học	Ngành: Tài chính - Ngân hàng; Luật.	01.003		1		
20.2	Quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp, vệ sinh an toàn nông sản và xây dựng Nông thôn mới	1	Đại học	Ngành: Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn	01.003		1		

9

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển	Chỉ tiêu tiếp nhận công chức không qua thi	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20.3	Theo dõi thi hành pháp luật và trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở	1	Đại học	Ngành: Luật; Ngành: Luật; Luật dân sự và tổ tụng dân sự	01.003		1		
21	UBND huyện Quang Bình	2					2		
21.1	Quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp, vệ sinh an toàn nông sản và xây dựng Nông thôn mới	1	Đại học	Ngành: Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn	01.003		1		
21.2	Quản lý tài chính, ngân sách và kế hoạch đầu tư	1	Đại học	Ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng	01.003		1		

Ấn định danh sách có 71 chỉ tiêu./.

21